

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS - PT  
Ngày: 28 - 3 - 2025  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng  
đất và tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Lực  
Ông Lê Thành Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2024/QĐ - PT ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Thông báo số: 84/TB – TA ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc tiếp tục phiên tòa giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Thạch Thị S, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

***Người đại diện hợp pháp cho bà Thạch Thị S:*** Bà Thạch Thị S1, sinh năm 1960 và chị Kiên Thị M, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2024 và ngày 17/6/2021. (có mặt)

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thạch Thị S:*** Luật sư Phạm Thị Thiên N – Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Thạch N1, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch N1: Chị Thạch Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2025. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thạch N1:* Luật sư Lâm Khắc S2 - Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:*

1. Ông Hồ Kiêm T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

2. Chị Hồ Lệ Thảo L, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp cho ông Hồ Kiêm T và chị Hồ Lệ Thảo L:* Bà Thạch Thị S1, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2021. (có mặt)

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:*

1. Anh Sơn L1, sinh năm 1983. (có mặt)

2. Chị Thạch Thị H, sinh năm 1980. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Sơn T1, sinh năm 2002 (xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*- Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị S là nguyên đơn, ông Thạch N1 là bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Thạch Thị S và trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị S1 là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Thừa đất 1312, diện tích 5.140 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm và đất ở, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, cấp cho hộ bà Thạch Thị S đứng tên ngày 04/7/1996. Nguồn gốc là đất của ông Thạch B (ông nội bà S), cho cha bà S là ông Thạch L2 (ông L2 là con ông B); năm 1992 ông Thạch L2 tặng cho bà Thạch Thị S thừa đất 1312, bà S nhận đất sử dụng, kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 1312 của bà S giáp ranh thửa đất 1314 đất ông Thạch N1 01 phía, năm 2020 ông N1 xây căn nhà cấp 4 không nằm trong thửa đất 1314 của ông N1 mà ông N1 xây cất nhà nằm trong diện tích của thửa đất 1312 của hộ bà S, bà S1 có qua ngăn cản nhưng ông N1 vẫn xây nhà rồi chiếm diện tích đất sử dụng cho đến nay. Theo Công văn số 198/CV-CNHCN, ngày 25/10/2021 của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C xác định ông N1 đã lấn chiếm diện tích 49,5 m<sup>2</sup> (ký hiệu A) và 15,8m<sup>2</sup> (ký hiệu B) nằm trong diện tích 5.140 m<sup>2</sup> thửa đất 1312 của bà S. Nay bà Thạch Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch N1, Sơn T1, S

và Thạch Thị H di dời căn nhà tường trả lại diện tích đất lấn chiếm 65,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1312 cho hộ bà Thạch Thị S được quyền quản lý, sử dụng.

*Bị đơn ông Thạch N1 trình bày:* Thửa đất số 1314 diện tích 50m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C, cấp cho hộ ông Thạch N2 đứng tên ngày 04/7/1996, do cấp giấy sai đối tượng nên ngày 13/6/2020 hộ ông Thạch N2 đã làm hợp đồng chuyển nhượng trả lại thửa đất 1314 cho ông đứng tên, hợp đồng được UBND xã T chứng thực, do ông N1 chưa đi làm thủ tục kê khai đăng ký theo quy định pháp luật nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất 1314 diện tích 50m<sup>2</sup> giáp ranh thửa đất 1312 đất của bà S một phía, không có cậm trụ để làm ranh giới, còn diện tích 65,3m<sup>2</sup> tranh chấp ông đang sử dụng, có nguồn gốc là đất của cha mẹ ông là ông Thạch C và bà Thạch Thị K sử dụng từ năm 1977, cha mẹ ông có cất nhà cây tạm để ở, sau khi cha mẹ chết ông tiếp tục ở tại căn nhà này, còn diện tích đất ông C, bà K có kê khai đăng ký vào sổ bộ Địa chính hay không thì ông không biết. Do cuộc sống khó khăn ông bỏ đi không ở căn nhà này trên 10 năm, khi quay về thì căn nhà này đã hỏng không ở được, đến ngày 08/10/2020 ông được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện C tặng 01 căn nhà trị giá 40.000.000 đồng, ông góp tiền thêm xây căn nhà trị giá 130.000.000 đồng, lúc xây nhà ông không có nhờ Địa chính xác định vị trí thửa đất để xây, vì nghĩ đất cha mẹ chết để lại thì ông có quyền xây nhà, lúc xây nhà có bà S1 ra ngăn cản, nhưng ông vẫn xây vì đất này không phải của bà S1. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị S, bởi vì ông xây cất nhà nằm trong thửa đất số 1314 là đất của ông, chứ ông không có lấn chiếm diện tích 65,3 m<sup>2</sup> đất của bà S; ông yêu cầu công nhận diện tích 65,3 m<sup>2</sup> gắn liền căn nhà thuộc quyền sử dụng đất của ông, ông không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà S.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sơn L1, chị Thạch Thị H trình bày:* Anh chị là vợ chồng, chị H là cháu ruột ông N1 (cậu ruột chị H), còn Sơn T1 là con. Căn nhà cấp 4 (Nhà đại đoàn kết) trên phần đất tranh chấp, nguồn tiền là do Nhà nước cho 40.000.000 đồng và ông N1 bỏ tiền thêm để xây nhà, anh chị không có đóng góp tiền của công sức vào căn nhà này. Sau khi xây dựng nhà xong ông N1 kêu T1 về sống, ông N1 hứa tặng căn nhà và đất cho vợ chồng anh chị khi ông N1 qua đời. Đối với căn nhà cấp 4 ông N1 xây cất trên đất của ông N1 là thửa đất 1314 diện tích 50m<sup>2</sup>, theo kết quả đo đạc thì ông N1 cất nhà nằm trong thửa đất 1312 đất của bà S, anh chị không rõ việc này. Vụ việc này do ông N1 tự quyết định với bà S, anh chị không có ý kiến yêu cầu gì cả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Thạch Thị S3.

Công nhận diện tích đất 65,3m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, nằm trong diện tích 5.140 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 1312, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Thạch N1 được quyền quản lý, sử dụng.

Buộc ông Thạch N1 có nghĩa vụ bồi thường trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 65,3m<sup>2</sup> cho hộ bà Thạch Thị S với số tiền 65.300.000 đồng.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật để thi hành, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất, tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp, không được thay đổi hiện trạng đất, xây cất thêm dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Khi án Bản án có hiệu lực pháp luật thi hành, các đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký đối với diện tích đất được công nhận nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, bị đơn ông Thạch N1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận phần diện tích đất tranh chấp cho ông và không buộc ông phải trả giá trị phần đất tranh chấp cho bà S.

Ngày 10 tháng 8 năm 2024, nguyên đơn bà Thạch Thị S kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm buộc ông Thạch N1 di dời tài sản trả lại phần đất tranh chấp cho bà S.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Thửa đất 1312 là của nguyên đơn bà S, khi ông Thạch N1 xây dựng căn nhà tường cấp 4 trên phần đất tranh chấp phía nguyên đơn đã ngăn cản, ông N1 cam kết nếu phần đất tranh chấp thuộc về bà S thì ông N1 sẽ tháo dỡ nhà trả đất cho bà S. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, buộc ông N1 di dời nhà trả đất cho bà S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Gia đình bị đơn ông Thạch N1 đã sử dụng phần đất tranh chấp đã lâu, ông N1 không có chỗ ở khác, trường hợp Tòa án không công nhận phần đất này cho ông N1 thì đề nghị Hội đồng xét xử tính công sức giữ gìn đất cho ông N1, giao phần đất tranh chấp cho ông N1, ông N1 trả giá trị đất cho bà S.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Xét về nguồn gốc và tư liệu kê khai, đăng ký qua các thời kỳ thì có cơ sở khẳng định thửa đất 1312 là của gia đình phía nguyên đơn bà S. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp gia đình bị đơn ông N1 sử dụng đã lâu, hiện nay ông N1 không có chỗ ở khác, trên phần đất tranh chấp hiện là căn nhà tường cấp 4 của ông N1; đề nghị Hội đồng xét xử giao phần đất tranh chấp cho ông N1 quản lý, sử dụng, ông N1 trả giá trị đất cho bà S sau khi trừ công sức gìn giữ đất cho ông N1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong gia đoạn phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thẩm định lại phần đất tranh chấp. Tại công văn số: 14/VPĐKĐĐ – KTTĐC, ngày 06/3/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ về việc cung cấp kết quả khảo sát phần đất tranh chấp kèm theo Sơ đồ khu đất thể hiện phần đất tranh chấp diện tích 62,7m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A7), thuộc thửa đất 1312. Bà Thạch Thị S1, chị Kiên Thị M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, chị Thạch Thị H là người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất với kết quả thẩm định này và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm lấy số đo theo kết quả này giải quyết vụ án.

[2] Thửa đất 1312, diện tích 5.140 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo nguyên đơn cho rằng có nguồn gốc là đất của ông Thạch B (là ông nội bà S), tặng cho cha của bà S là ông Thạch L2 (ông L2 là con ông B); năm 1992 ông Thạch L2 tặng cho lại bà Thạch Thị S thửa đất này. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Kiên Thị M cho rằng việc cha mẹ ông N1 ở trên phần đất tranh chấp là do trước đây ông Thạch L2 cho ở nhờ trên đất. Ông N1 cho rằng phần diện tích đất tranh chấp 62,7m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A7) là của cha mẹ ông là ông Thạch C, bà Thạch Thị K nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Theo tư liệu năm 1983 thì thửa đất 1312 thuộc thửa 625, diện tích 5.600m<sup>2</sup> do bà Thạch Thị E (mẹ bà S) kê khai, đăng ký; đến năm 1995 thì do bà Thạch Thị S kê khai đăng ký tại thửa 1312, diện tích 5.140m<sup>2</sup>, đến ngày 24/3/1996 hộ bà Thạch Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 91 – 102). Như vậy, có cơ sở khẳng định thửa đất 1312 là của gia đình bà Thạch Thị S.

[3] Trên phần đất tranh chấp 62,7m<sup>2</sup>, hiện nay có căn nhà tường cấp 4 (nhà tình thương) của ông Thạch N1, ông N1 không có chỗ ở nào khác nên giao phần đất này cho ông N1 quản lý, sử dụng; ông N1 có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị S. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp trước đây là do cha

mẹ của ông N1 quản lý, sử dụng, nay ông N1 tiếp tục quản lý, sử dụng nên cần xem xét công sức gìn giữ cho ông N1 bằng 20% giá trị phần đất tranh chấp với số tiền là 12.540.000 đồng (20% x 62.700.000 đồng). Như vậy, ông Thạch N1 có nghĩa vụ trả giá trị phần đất tranh chấp cho bà S với số tiền 50.160.000 đồng.

[4] Từ những chứng cứ và phân tích trên [1], [2], [3], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Thạch Thị S yêu cầu ông Thạch N1 di dời nhà trả lại phần diện tích đất 62,7m<sup>2</sup>, kháng cáo của ông Thạch N1 không đồng ý trả giá trị phần diện tích đất 62,7m<sup>2</sup> cho bà S là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần.

[7] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[8] Về chi phí thẩm định cấp phúc thẩm: Số tiền 2.550.000 đồng. Buộc nguyên đơn bà Thạch Thị S, bị đơn ông Thạch N1 mỗi người phải chịu số tiền 1.275.000 đồng. Do bà S nộp tạm ứng trước số tiền 2.550.000 đồng nên buộc ông N1 nộp lại số tiền 1.275.000 đồng để trả lại cho bà S.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Thạch Thị S, ông Thạch N1.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Thạch Thị S, của bị đơn ông Thạch N1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/DS - ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 166, 170, 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 158; 164, 166, 168 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị S3.

Công nhận phần diện tích đất 62,7m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A7), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất 1312, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Thạch N1 quản lý, sử dụng. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 1312 có các đoạn: Đoạn dài 8,6m, đoạn dài 1,3m.

Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 1312 và thửa 1314 có các đoạn: Đoạn dài 0,65m, đoạn dài 2,6m, đoạn dài 06m, đoạn dài 2,5m, đoạn dài 03m.

Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 1312 dài 7,95m.

Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 1312 có các đoạn: Đoạn dài 07m, đoạn dài 01m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 14/VPĐKĐĐ – KTTĐC, ngày 06/3/2025)*

Buộc ông Thạch N1 có nghĩa vụ trả giá trị phần diện tích đất 62,7m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A7) với số tiền 50.160.000 đồng cho bà Thạch Thị S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Thạch N1 được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 62,7m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A7) được công nhận trên theo quyết định của Bản án này.

2. Về chi phí thẩm định cấp phúc thẩm: Số tiền 2.550.000 đồng. Buộc nguyên đơn bà Thạch Thị S, bị đơn ông Thạch N1 mỗi người phải chịu số tiền 1.275.000 đồng. Do bà S nộp tạm ứng trước số tiền 2.550.000 đồng nên buộc ông Thạch N1 nộp lại số tiền 1.275.000 đồng để trả cho bà S.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Thạch Thị S, ông Thạch N1.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hùng**